

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (18 CÂU)

Chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A. vị trí trong vùng nội chí tuyến. B. địa hình nước ta thấp dần ra biển.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.

Câu 3. Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm. B. ẩm, ẩm. C. lạnh, khô. D. ẩm, khô.

Câu 4. Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. quá trình tích tụ mùn mạnh. B. rửa trôi các chất bazơ dễ tan.
C. tỉ lệ ôxit sắt và ôxit nhôm cao. D. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

Câu 5. Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta là

- A. sông nhiều nước và lên xuống thất thường.
B. mật độ sông lớn; sông nhiều nước, nhiều phù sa và có sự phân mùa.
C. mật độ sông dày đặc, độ dốc lòng sông lớn, dòng chảy xiết.
D. nhiều sông lớn, chế độ nước khá điều hòa trong năm.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

- A. Trong năm có một mùa đông lạnh. B. Thời tiết thường diễn biến phức tạp.
C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 7. Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

- A. khí hậu, đất đai, sinh vật. B. sông ngòi, đất đai, khí hậu.
C. sinh vật, đất đai, sông ngòi. D. khí hậu, sinh vật, sông ngòi.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng với tài nguyên rừng của nước ta?

- A. Tổng diện tích rừng có xu hướng tăng lên.
B. Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái về chất lượng ở nhiều nơi.
C. Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.
D. Chất lượng nhiều diện tích rừng chưa phục hồi được như trước đây.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

- A. Làm ruộng bậc thang. B. Chống nhiễm mặn. C. Trồng cây theo băng. D. Đào hồ kiểu vảy cá.

Câu 10. Đô thị ở nước ta hiện nay

- A. có lực lượng lao động dồi dào. B. chất lượng cuộc sống thấp.
C. tập trung chủ yếu ở miền núi. D. đều cùng một cấp phân loại.

Câu 11. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 12. Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta vẫn còn gay gắt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Lao động có kỹ thuật cao chiếm tỉ lệ thấp.
B. Tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị.
C. Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ cao.
D. Sản xuất nông nghiệp mang tính tự túc, tự cấp.

Câu 13. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

- A. độ cao địa hình và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

Câu 14. Biên độ nhiệt năm ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ cao hơn ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do

- A. gần chí tuyến, có gió Tín phong. B. có mùa đông lạnh, địa hình thấp.

C. có gió phơn Tây Nam, địa hình cao.

D. gần chí tuyến, có mùa đông lạnh.

Câu 15. Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

A. đất đai phong phú, tác động của con người lai tạo và thay đổi sự phân bố.

B. khí hậu phân hóa, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.

C. địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. vị trí nơi gặp gỡ các luồng di cư sinh vật, địa hình, khí hậu và đất đai phân hóa.

Câu 16. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ vì

A. miền này có diện tích đồng bằng thấp lớn nhất nước ta.

B. đây là miền duy nhất có núi cao từ khoảng 2600 m trở lên, chủ yếu ở Hoàng Liên Sơn.

C. miền này có địa hình phần lớn là đồi núi thấp.

D. miền này có mùa đông lạnh nhất nước ta.

Câu 17. Vùng núi và cao nguyên nước ta có dân cư thưa thớt chủ yếu là do

A. nhiều khoáng sản còn dưới dạng tiềm năng, khai thác rất khó khăn.

B. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời hơn so với các vùng đồng bằng.

C. địa hình chia cắt, giao thông khó khăn, điều kiện kinh tế và cơ hội việc làm còn hạn chế ở nhiều nơi.

D. quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, ít các thành phố lớn và đông dân.

Câu 18. Việc nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động nước ta có ý nghĩa chính là

A. giúp phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng miền.

B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

C. tăng nguồn vốn cho đầu tư, tái tạo sức lao động.

D. đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (4 CÂU)

Ở mỗi câu, xác định Đúng hoặc Sai cho từng ý a), b), c), d).

Câu 1. Phần đất liền Việt Nam có các điểm cực: cực Bắc khoảng 23°23'B, cực Nam khoảng 8°34'B, cực Tây khoảng 102°09'Đ, cực Đông khoảng 109°28'Đ. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp Trung Quốc, Lào và Campuchia; trên biển có vùng biển tiếp giáp với nhiều quốc gia.

a) Biên giới trên đất liền nước ta tiếp giáp với ba quốc gia.

b) Nước ta có chung Biển Đông với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

c) Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu.

d) Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

Câu 2. Cho bảng số liệu nhiệt độ trung bình tại một số trạm khí tượng ở nước ta (đơn vị: °C).

Địa điểm	Tháng thấp nhất	Tháng cao nhất	Trung bình năm
Hà Nội	16,6	29,4	23,9
Huế	19,9	29,3	25,1
Quy Nhơn	23,3	30,0	27,1
Kiên Giang (Rạch Giá)	25,8	28,9	27,5

Nguồn: QCVN 02:2022/BXD.

a) Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm trên đều lớn hơn 20°C.

b) Biên độ nhiệt trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

c) Nền nhiệt độ thuận lợi cho sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới.

d) Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu chủ yếu do vị trí địa lí, địa hình và gió.

Câu 3. Nền nhiệt nước ta nhìn chung cao, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao). Miền Nam thường có nhiệt độ trung bình cao hơn miền Bắc. Hằng năm, Việt Nam nhận lượng bức xạ Mặt Trời lớn; số giờ nắng trung bình tùy nơi khoảng 1300–3000 giờ/năm.

a) Nhiệt độ trung bình năm của miền Bắc cao hơn miền Nam.

b) Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.

c) Nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do phần lớn lãnh thổ nằm gần Xích đạo.

d) Nền nhiệt cao là do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, có góc nhập xạ lớn.

Câu 4. Cho bảng số liệu số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2015–2021.

Năm	2015	2017	2018	2019	2020	2021
Dân số (triệu người)	91,71	93,67	94,67	96,48	97,58	98,51

Tỉ lệ gia tăng (%)	1,12	1,11	1,17	1,15	1,14	0,95
--------------------	------	------	------	------	------	------

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022.

- a) Dân số nước ta tăng liên tục qua các năm.
b) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm.
c) Dân số nước ta năm 2021 tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015.
d) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm là do thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

III. CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN (6 CÂU)

Câu 1. Cho bảng nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021 (đơn vị: °C). Tính nhiệt độ trung bình năm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Câu 2. Cho bảng nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của trạm khí tượng Huế (đơn vị: °C). Tính biên độ nhiệt năm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

Nguồn: Niên giám thống kê 2022.

Câu 3. Cho bảng số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021 (đơn vị: giờ). Tính tổng số giờ nắng cả năm, làm tròn đến hàng đơn vị.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	79,2	76,0	22,6	71,6	197,4	169,8	207,3	163,4	134,8	188,0	98,7	106,6

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021, NXB Thống kê 2022.

Câu 4. Cho bảng nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu (đơn vị: °C). Tính chênh lệch nhiệt độ trung bình năm, làm tròn một chữ số thập phân.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

Nguồn: Niên giám thống kê 2022.

Câu 5. Cho bảng quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999–2021. Tính dân số tăng trung bình mỗi năm trong giai đoạn này, làm tròn một chữ số thập phân (triệu người).

Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam 2011, 2022.

Câu 6. Theo Niên giám thống kê năm 2022, dân số vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 20 661,7 nghìn người, diện tích 95 847,9 km². Tính mật độ dân số (người/km²), làm tròn đến hàng đơn vị.

———— HẾT ————

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI THAM KHẢO

A. BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	7	A	13	D
2	A	8	C	14	D
3	C	9	B	15	D
4	C	10	A	16	B
5	B	11	A	17	C
6	C	12	C	18	C

Bảng đúng/sai:

Câu	a	b	c	d
1	Đ	S	Đ	Đ
2	Đ	S	Đ	Đ
3	S	Đ	S	Đ
4	Đ	Đ	S	Đ

Đáp án trả lời ngắn:

Câu	Kết quả
1	25,3°C
2	12,4°C
3	1515 giờ
4	3,4°C
5	1,0 triệu người/năm
6	216 người/km ²

B. GIẢI CHI TIẾT TỪNG CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

Đáp án C: Lào và Campuchia. Phía tây Việt Nam có đường biên giới đất liền với Lào và Campuchia. Trung Quốc tiếp giáp phía bắc; Thái Lan không có biên giới đất liền với Việt Nam.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

Đáp án A: vị trí trong vùng nội chí tuyến. Việt Nam nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên hằng năm nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn, góc nhập xạ cao, nền nhiệt nhìn chung cao. Địa hình và gió phơn chỉ làm khí hậu phân hóa hoặc biến đổi cục bộ.

Câu 3. Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

Đáp án C: lạnh, khô. Nửa đầu mùa đông, gió mùa Đông Bắc thường xuất phát từ áp cao lục địa châu Á nên lạnh và khô. Cuối mùa đông, khi đi qua biển, gió trở nên ẩm hơn và thường gây mưa phùn.

Câu 4. Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

Đáp án C: tỉ lệ ôxit sắt và ôxit nhôm cao. Trong môi trường nóng ẩm, phong hóa và rửa trôi diễn ra mạnh; các ôxit sắt và ôxit nhôm tương đối tích tụ, làm đất có màu đỏ, vàng. Phong hóa và rửa trôi là các quá trình liên quan, còn nguyên nhân trực tiếp tạo màu là ôxit sắt và ôxit nhôm.

Câu 5. Biểu hiện tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi nước ta là

Đáp án B: mật độ sông lớn; sông nhiều nước, nhiều phù sa và có sự phân mùa. Mưa nhiều tạo mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn; mưa và xói mòn cung cấp nhiều phù sa. Do lượng mưa biến đổi theo mùa nên chế độ dòng chảy cũng có mùa lũ và mùa cạn.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

Đáp án C: Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. Phía bắc dãy Bạch Mã có mùa đông lạnh, thời tiết biến động và biên độ nhiệt năm tương đối lớn. Mùa khô sâu sắc, kéo dài đặc trưng hơn ở một số nơi thuộc phía nam, không phải nét chung của lãnh thổ phía Bắc.

Câu 7. Sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ qua các thành phần

Đáp án A: khí hậu, đất đai, sinh vật. Càng lên cao, nhiệt độ thường giảm, làm thay đổi điều kiện ẩm, quá trình hình thành đất và thảm thực vật. Vì vậy, ba đai cao được phân biệt rõ nhất bởi khí hậu, đất và sinh vật.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng với tài nguyên rừng của nước ta?

Đáp án C: Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn. Diện tích rừng trồng và rừng mới phục hồi tăng làm tổng diện tích rừng có xu hướng tăng. Tuy nhiên, rừng tự nhiên chất lượng cao không chiếm tỉ lệ lớn; ở nhiều nơi rừng nghèo, rừng tái sinh còn phổ biến. Vì vậy khẳng định “rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn” là không đúng.

Câu 9. Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

Đáp án B: Chống nhiễm mặn. Đất đồng bằng, nhất là đồng bằng ven biển, có nguy cơ bị nhiễm mặn nên cần quản lí nước tưới, tiêu và ngăn mặn. Các biện pháp ruộng bậc thang, trồng cây theo băng, đào hồ vẩy cá chủ yếu dùng ở đất dốc.

Câu 10. Đô thị ở nước ta hiện nay

Đáp án A: có lực lượng lao động dồi dào. Các đô thị tập trung đông dân cư, thu hút người trong độ tuổi lao động và có thị trường lao động lớn. Mức sống có sự khác biệt giữa các đô thị; đô thị không chủ yếu phân bố ở miền núi và được phân theo nhiều cấp, loại.

Câu 11. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

Đáp án A: Đồng bằng sông Hồng. Đồng bằng sông Hồng có diện tích không lớn nhưng dân số đông, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời và mạng lưới đô thị dày, vì vậy mật độ dân số cao nhất trong các vùng được nêu.

Câu 12. Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta vẫn còn gay gắt do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

Đáp án C: Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ cao. Nông nghiệp phụ thuộc thời vụ: vụ gieo trồng và thu hoạch cần nhiều lao động, nhưng thời gian nông nhàn nhu cầu giảm mạnh. Do đó xuất hiện thiếu việc làm trong một phần năm, nhất là khi nghề phi nông nghiệp chưa phát triển tương xứng.

Câu 13. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

Đáp án D: tác động của gió mùa và hướng các dãy núi. Các dãy núi Trường Sơn tạo sườn đón gió và khuất gió khác nhau theo mùa. Khi Tây Nguyên vào mùa mưa do gió mùa Tây Nam, nhiều nơi ở Đông Trường Sơn khô nóng hơn; đến thu – đông, Đông Trường Sơn thường mưa lớn, Tây Nguyên bước vào mùa khô.

Câu 14. Biên độ nhiệt năm ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ cao hơn ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do

Đáp án D: gần chí tuyến, có mùa đông lạnh. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nằm gần chí tuyến hơn, chịu tác động trực tiếp và mạnh của gió mùa Đông Bắc nên mùa đông lạnh; chênh lệch nhiệt giữa các mùa lớn. Miền Nam gần xích đạo hơn và nóng tương đối đều quanh năm.

Câu 15. Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

Đáp án D: vị trí nơi gặp gỡ các luồng di cư sinh vật, địa hình, khí hậu và đất đai phân hóa. Nước ta ở vị trí giao thoa của nhiều luồng sinh vật; địa hình, khí hậu và đất đai đa dạng tạo ra nhiều môi trường sống. Vì thế có nhiều hệ sinh thái, loài và nguồn gen khác nhau.

Câu 16. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ vì

Đáp án B: đây là miền duy nhất có núi cao từ khoảng 2600 m trở lên, chủ yếu ở Hoàng Liên Sơn. Đai ôn đới gió mùa trên núi bắt đầu từ khoảng 2600 m. Ở Việt Nam, địa hình vượt ngưỡng này tập trung ở dãy Hoàng Liên Sơn, thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, nên chỉ miền đó hình thành đai cao này. Không phải toàn bộ miền đều có khí hậu ôn đới.

Câu 17. Vùng núi và cao nguyên nước ta có dân cư thưa thớt chủ yếu là do

Đáp án C: địa hình chia cắt, giao thông khó khăn, điều kiện kinh tế và cơ hội việc làm còn hạn chế ở nhiều nơi. Địa hình dốc, chia cắt làm xây dựng hạ tầng và đi lại khó khăn, hạn chế điều kiện phát triển một số ngành kinh tế, nên dân cư nhìn chung thưa hơn đồng bằng. Đô thị ít là biểu hiện liên quan, không phải nguyên nhân tự nhiên – kinh tế cơ bản nhất.

Câu 18. Việc nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động nước ta có ý nghĩa chính là

Đáp án C: tăng nguồn vốn cho đầu tư, tái tạo sức lao động. Năng suất cao tạo ra nhiều sản phẩm, giá trị hơn trong cùng thời gian; thu nhập cao giúp cải thiện đời sống, chăm sóc sức khỏe, học tập và tái tạo sức lao động, đồng thời tăng khả năng tích lũy và đầu tư. Các tác động khác có thể là gián tiếp.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI (4 CÂU)

Ở mỗi câu, xác định Đúng hoặc Sai cho từng ý a), b), c), d).

Câu 1. Phần đất liền Việt Nam có các điểm cực: cực Bắc khoảng $23^{\circ}23'B$, cực Nam khoảng $8^{\circ}34'B$, cực Tây khoảng $102^{\circ}09'D$, cực Đông khoảng $109^{\circ}28'D$. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp Trung Quốc, Lào và Campuchia; trên biển có vùng biển tiếp giáp với nhiều quốc gia.

a) Biên giới trên đất liền nước ta tiếp giáp với ba quốc gia.

Đúng. Ba nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam là Trung Quốc, Lào và Campuchia.

b) Nước ta có chung Biển Đông với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Sai. Lào là quốc gia không giáp biển nên không có phần lãnh thổ biển trên Biển Đông; phát biểu gộp cả Lào nên sai.

c) Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu.

Đúng. Phần đất liền Việt Nam có vĩ độ từ khoảng $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$, đều nằm giữa xích đạo và chí tuyến Bắc.

d) Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

Đúng. Biển Đông tác động đến khí hậu, sinh vật, địa hình bờ biển và nhiều quá trình tự nhiên khác.

Câu 2. Cho bảng số liệu nhiệt độ trung bình tại một số trạm khí tượng ở nước ta (đơn vị: $^{\circ}C$).

Địa điểm	Tháng thấp nhất	Tháng cao nhất	Trung bình năm
Hà Nội	16,6	29,4	23,9
Huế	19,9	29,3	25,1
Quy Nhơn	23,3	30,0	27,1
Kiên Giang (Rạch Giá)	25,8	28,9	27,5

Nguồn: QCVN 02:2022/BXD.

a) Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm trên đều lớn hơn $20^{\circ}C$.

Đúng. Các số liệu trung bình năm là 23,9; 25,1; 27,1; 27,5 $^{\circ}C$, đều vượt $20^{\circ}C$.

b) Biên độ nhiệt trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

Sai. Biên độ = tháng cao nhất – tháng thấp nhất. Hà Nội: $12,8^{\circ}C$; Huế: $9,4^{\circ}C$; Quy Nhơn: $6,7^{\circ}C$; Rạch Giá: $3,1^{\circ}C$. Xu thế giảm dần từ bắc vào nam.

c) Nền nhiệt độ thuận lợi cho sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới.

Đúng. Các địa điểm có nền nhiệt tương đối cao, tạo điều kiện cho cây trồng và vật nuôi nhiệt đới, dù sản xuất vẫn phụ thuộc thêm vào đất, nước và thiên tai.

d) Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu chủ yếu do vị trí địa lí, địa hình và gió.

Đúng. Vị trí nội chí tuyến tạo tính nhiệt đới; Biển Đông và hoàn lưu gió mùa tạo tính ẩm, tính mùa; địa hình làm tăng sự phân hóa khí hậu. Đây là sự kết hợp nhiều nhân tố.

Câu 3. Nền nhiệt nước ta nhìn chung cao, nhiệt độ trung bình năm trên $20^{\circ}C$ (trừ vùng núi cao). Miền Nam thường có nhiệt độ trung bình cao hơn miền Bắc. Hằng năm, Việt Nam nhận lượng bức xạ Mặt Trời lớn; số giờ nắng trung bình tùy nơi khoảng 1300–3000 giờ/năm.

a) Nhiệt độ trung bình năm của miền Bắc cao hơn miền Nam.

Sai. Thông tin cho biết miền Nam thường nóng hơn miền Bắc; miền Bắc còn chịu ảnh hưởng rõ của gió mùa Đông Bắc.

b) Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.

Đúng. Nền nhiệt nhìn chung cao và lượng bức xạ Mặt Trời lớn là các biểu hiện của tính nhiệt đới.

c) Nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do phần lớn lãnh thổ nằm gần Xích đạo.

Sai. Nguyên nhân chủ yếu là lãnh thổ nằm trong vùng nội chí tuyến, nơi có góc nhập xạ lớn; nói “phần lớn gần Xích đạo” là không chính xác.

d) Nền nhiệt cao là do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến, có góc nhập xạ lớn.

Đúng. Trong vùng nội chí tuyến, năng lượng bức xạ nhận được nhiều trong năm, giúp hình thành nền nhiệt cao.

Câu 4. Cho bảng số liệu số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2015–2021.

Năm	2015	2017	2018	2019	2020	2021
Dân số (triệu người)	91,71	93,67	94,67	96,48	97,58	98,51
Tỉ lệ gia tăng (%)	1,12	1,11	1,17	1,15	1,14	0,95

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022.

a) Dân số nước ta tăng liên tục qua các năm.

Đúng. Các mốc tăng từ 91,71 triệu người (2015) lên 98,51 triệu người (2021), không có năm nào trong bảng giảm.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm.

Đúng. Dù tăng nhẹ năm 2018, chỉ tiêu giảm từ 1,12% năm 2015 xuống 0,95% năm 2021. “Xu hướng giảm” không có nghĩa là năm nào cũng giảm.

c) Dân số nước ta năm 2021 tăng gấp 1,6 lần so với năm 2015.

Sai. Tỉ số $98,51 / 91,71 \approx 1,074$ lần, chỉ tăng khoảng 7,4%, chứ không phải 1,6 lần.

d) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta có xu hướng giảm là do thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Đúng. Chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình cùng các biến đổi kinh tế – xã hội góp phần giảm mức sinh, qua đó làm giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên.

III. CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN (6 CÂU)

Câu 1. Cho bảng nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021 (đơn vị: °C).

Tính nhiệt độ trung bình năm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Cách giải: Nhiệt độ trung bình năm = tổng nhiệt độ trung bình 12 tháng / 12. Tổng = 303,7°C; $303,7 / 12 \approx 25,3083^\circ\text{C}$. Làm tròn một chữ số thập phân: 25,3°C.

Kết quả: 25,3°C

Câu 2. Cho bảng nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của trạm khí tượng Huế (đơn vị: °C). Tính biên độ nhiệt năm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

Nguồn: Niên giám thống kê 2022.

Cách giải: Biên độ nhiệt năm = nhiệt độ tháng cao nhất – nhiệt độ tháng thấp nhất. Cao nhất $30,6^{\circ}\text{C}$ (tháng 6); thấp nhất $18,2^{\circ}\text{C}$ (tháng 1). Kết quả: $30,6 - 18,2 = 12,4^{\circ}\text{C}$.

Kết quả: $12,4^{\circ}\text{C}$

Câu 3. Cho bảng số giờ nắng các tháng tại Hà Nội năm 2021 (đơn vị: giờ). Tính tổng số giờ nắng cả năm, làm tròn đến hàng đơn vị.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	79,2	76,0	22,6	71,6	197,4	169,8	207,3	163,4	134,8	188,0	98,7	106,6

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2021, NXB Thống kê 2022.

Cách giải: Tổng số giờ nắng năm = cộng số giờ nắng của 12 tháng. Tổng = $79,2 + 76,0 + 22,6 + 71,6 + 197,4 + 169,8 + 207,3 + 163,4 + 134,8 + 188,0 + 98,7 + 106,6 = 1515,4$ giờ. Làm tròn đến hàng đơn vị: 1515 giờ.

Kết quả: 1515 giờ

Câu 4. Cho bảng nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu (đơn vị: $^{\circ}\text{C}$). Tính chênh lệch nhiệt độ trung bình năm, làm tròn một chữ số thập phân.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

Nguồn: Niên giám thống kê 2022.

Cách giải: Chênh lệch = nhiệt độ nơi cao hơn – nhiệt độ nơi thấp hơn = $27,1 - 23,7 = 3,4^{\circ}\text{C}$. Vũng Tàu cao hơn Hà Đông $3,4^{\circ}\text{C}$.

Kết quả: $3,4^{\circ}\text{C}$

Câu 5. Cho bảng quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999–2021. Tính dân số tăng trung bình mỗi năm trong giai đoạn này, làm tròn một chữ số thập phân (triệu người).

Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

Nguồn: Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam 2011, 2022.

Cách giải: Dân số tăng toàn kỳ = $98,5 - 76,5 = 22,0$ triệu người. Số năm = $2021 - 1999 = 22$ năm. Bình quân năm = $22,0 / 22 = 1,0$ triệu người/năm. Chú ý không lấy trung bình cộng của các tỉ lệ gia tăng dân số.

Kết quả: 1,0 triệu người/năm

Câu 6. Theo Niên giám thống kê năm 2022, dân số vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 20 661,7 nghìn người, diện tích 95 847,9 km^2 . Tính mật độ dân số (người/ km^2), làm tròn đến hàng đơn vị.

Cách giải: Mật độ dân số = dân số / diện tích. Đổi 20 661,7 nghìn người = 20 661 700 người. Ta có $20\,661\,700 / 95\,847,9 \approx 215,57$ người/ km^2 . Làm tròn: 216 người/ km^2 . Đặc biệt nhớ đổi “nghìn người” sang “người”.

Kết quả: 216 người/ km^2